# Hat ngoc Tri tue PG - 27

*Hạt Ngọc Trí Tuệ Phật Giáo*

Hat ngoc Tri tue PG - 27

Vietnamese, with Unicode Times font

Những Hạt Ngọc Trí Tuệ Phật Giáo

Gems of Buddhist Wisdom

Thích Tâm Quang dịch

27

BỒ TÁT, LÝ TƯỞNG TRONG PHẬT GIÁO

Hòa Thượng Tiến Sĩ W. Rahula

C ó một niềm tin lan tràn, nhất là ở phương Tây, là lý tưởng của Nguyên Thủy coi như đồng nhất với Tiểu Thừa, là để trở thành A La Hán, trong khi lý tưởng của Đại Thừa là trở thành Bồ Tát và cuối cùng đạt trạng thái thành Phật. Phải nói cho minh bạch, niềm tin đó sai. Ý kiến này được truyền bá bởi những nhà Đông Phương Học vào thời điểm khi sự nghiên cứu Phật Giáo bắt đầu phôi thai ở Tây phương, và một số người đã chấp nhận mà không muốn nhọc công đi vào vấn đề bằng cách nghiên cứu kinh điển và đời sống truyền thống tại các nước Phật Giáo. Nhưng sự thật là cả hai Nguyên Thủy và Đại Thừa đều nhất trí chấp nhận lý tưởng Bồ Tát là cao nhất.

Thuật ngữ Tiểu Thừa (Cỗ Xe Nhỏ) và Đại Thừa (Cỗ Xe Lớn) không thấy có trong văn học Nguyên Thủy tiếng Pali. Những từ ngữ này cũng không tìm thấy trong Tam Tạng Kinh Điển tiếng Pali hay trong những bộ luận về Tam Tạng Kinh Điển. Cũng không thấy có luôn trong biên niên sử tiếng Pali tại Ceylon, những cuốn Dipavamsa và Mahavamsa . Biên niên sử Dipavamsa (vào khoảng thế kỷ thứ tư sau Công Nguyên) và những bộ luận bằng tiếng Pali ghi nhận Vitandavadins , một phái của những Phật Tử bất đồng quan điểm giữ một vài quan điểm không chính thống về một số vấn đề trong giáo lý của Đức Phật. Phái Vitandavadin và Nguyên Thủy đều trích dẫn giống nhau từ những căn cứ đáng tin và đặt tên những kinh trong Tam Tạng Kinh Điển hầu hỗ trợ cho lập trường của mình, sự khác biệt chỉ là cách thức giải thích. Biên Niên sử Mahavamsa (thế kỷ thứ Năm trước Công Nguyên) và một bộ luận về Vi Diệu Pháp có nhắc đến Vetulla hay Vetulyavadins (Sanskrit: Vaitulyavadin ) thay vì Vitandavadin . Từ bằng chứng của kinh điển, không thể nào nhầm lẫn mà coi hai thuật ngữ - Vitanda và Vetulya - tượng trưng cho cùng một trường phái hay cùng một phái.

Chúng ta biết từ cuốn
Abbidhamma-Samuccaya , một bộ kinh Đại Thừa đáng tin cậy
(thế kỷ thứ tư sau Công Nguyên) những từ Vaitulya và
Vaipulya đồng nghĩa, và Vaipulya là Bồ Tát Thừa.
Vậy Bồ Tát Thừa rõ ràng là Đại Thừa. Cho nên Vaitulya

chắc chắn mang nghĩa Đại Thừa.
Cho nên chúng ta có thể
chắc chắn từ Vitanda và Vetulya dùng trong Biên
niên sử tiếng Pali và các bộ luận nói đến Đại Thừa.
Nhưng những từ Tiểu Thừa và Đại Thừa không được họ
biết đến, hay bị lờ đi hay không được họ công nhận.
Toàn thể các học giả chấp nhận là những từ Tiểu Thừa và Đại Thừa là những danh từ đặt ra sau này. Nói theo lịch sử, Nguyên Thủy đã hiện hữu trước khi các danh từ này ra đời. Nguyên Thủy được coi như giáo lý nguyên thủy của Đức Phật truyền vào Ceylon và thiết lập tại đây vào thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên trong thời đại Hoàng Đế A Dục tại Ấn Độ.Vào thời đại ấy không có gì được gọi là Đại Thừa. Đại Thừa xuất hiện sau này vào khoảng bắt đầu thời đại Ky Tô Giáo. Không có Đại Thừa thì không thể có Tiểu Thừa. Phật Giáo đi vào Sri Lanka với Tam Tạng Kinh Điển và các Bộ Luận, vào thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên, vẫn giữ nguyên không thay đổi là Nguyên Thủy, và không trở thành màn tranh chấp giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa được phát triển sau này tại Ấn Độ. Cho nên dường như không hợp lý khi bao gồm Nguyên Thủy vào cả hai loại này.

Đại Thừa chuyên đề cập với Bồ Tát Thừa hay cỗ xe của Bồ Tát nhưng cũng không quên hai loại: Thinh Văn Thừa và Duyên Giác Thừa. Thí dụ, ngài Vô Trước, người sáng lập ra hệ thống Yogacara (Du Già) trong cuốn Magnum Opus, Du già Sử Địa Luận, đã có hai chương nói về Thinh Văn Thừa và Duyên Giác Thừa trở thành Bồ Tát Thừa cho thấy cả ba thừa đều được coi trọng trong Đại Thừa. Nhưng địa vị của Thinh văn hay Duyên giác thấp hơn Bồ Tát. Điều này cũng phù hợp với truyền thống Nguyên Thủy vẫn cho rằng một người có thể trở nên Bồ Tát và đạt quả vị của một Đức Phật hoàn toàn giác ngộ, nếu không được, có thể đạt quả vị của một Bích Chi Phật hay một thánh quả Thinh Văn tùy theo khả năng. Ba tình trạng này được coi như ba đắc quả trên cùng một con đường. Thực ra, Kinh Sandhinirmoocarana (Giải Thâm Mật Kinh - một bộ kinh Đại Thừa) nói rõ ràng Thinh Văn Thừa và Đại Thừa tạo thành một thừa, và chúng không phải là hai khác biệt và hai cỗ xe khác nhau.

Ba Cá Nhân

Bây giờ, ai là ba cá nhân: Thinh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát? Rất ngắn gọn:

Một Thinh Văn là đệ
tử của Đức Phật. Một đệ tử có thể là tăng, ni, ưu
bà tắc hay ưu bà di. Hướng vào sự giải thoát của mình,
một Thinh Văn theo và tu tập giáo lý của Đức Phật, và cuối
cùng đạt Niết Bàn. Thinh Văn cũng phục vụ người khác,
nhưng khả năng chỉ có giới hạn.
Một Bích Chi Phật (Độc
Giác Phật) là người một mình chứng đắc Niết Bàn khi
không có Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác trên thế giới.
Vị Phật này cũng phục vụ người khác nhưng trong một

đường lối giới hạn. Vị này không thể khám phá ra Chân
Lý cho người khác như Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, một
Đức Phật hoàn toàn giác ngộ làm.
Một Bồ tát là một
người (nhà sư hay cư sĩ) ở trong vị trí chứng đắc Niết
Bàn như hàng Thinh văn hay Bích Chi Phật, nhưng vì lòng từ
bi rộng lớn cho thế giới, từ bỏ tất cả và chịu khổ
đau trong luân hồi để cứu người khác, toàn thiện chính
mình trong một thời gian dài không kể siết và chứng đắc
Niết Bàn và trở thành một Vị Phật Chánh Đẳng Chánh
Giác, một Đức Phật giác ngộ hoàn toàn. Khả năng phục vụ
người khác vô giới hạn.
Định nghĩa về ba thừa (tín đồ của ba thừa) đưa ra bởi ngài Vô Trước hết sức lợi ích cho kiến thức và làm sáng tỏ một số điểm. Theo ngài, một Thinh Văn (là một người dùng xe đệ tử) là một người sống theo luật lệ của một đệ tử. Bởi bản chất có tính năng mềm yếu, hướng vào sự giải thoát của chính mình do sự trau dồi không luyến chấp, tùy thuộc vào Kinh, người Đệ Tử, tu tập những đức tính lớn và nhỏ, dần dần chấm dứt được khổ đau. Người đi xe Duyên Giác Thừa là một người sống theo luật lệ của một vị Phật Độc Giác. Bản chất có năng lực trung bình, hướng vào sự giải thoát của chính mình do sự trau dồi của không luyến chấp, có ý đạt giác ngộ chỉ bằng sự phát triển tinh thần của chính mình, tùy thuộc vào chính mình, tu tập những đức tính lớn và nhỏ, sinh vào thời không có Phật trên thế giới và dần dần chấm dứt được khổ đau. Người theo Đại Thừa (đi cỗ xe lớn) là người sống theo luật lệ của Bồ Tát, bởi bản chất có những tính năng sắc bén, hướng vào sự giải thoát cho tất cả chúng sanh, tùy thuộc Kinh Bồ Tát, làm cho các chúng sanh khác hoàn thiện, trau dồi cảnh giới Phật thuần túy, nhận được những lời tiên đoán hay tuyên bố thọ ký của Chư Phật và cuối cùng chứng đắc Giác Ngộ đầy đủ và toàn bích. ( Samyakasambodhi ).

Từ những điều này, chúng ta có thể thấy bất cứ ai mong mỏi trở thành Phật là một Bồ tát, một người Đại Thừa, dù người ấy sống trong một quốc gia hay cộng đồng mà theo phổ thông và truyền thống được coi như Nguyên Thủy hay Tiểu Thừa. Tương tự như vậy, một người mong muốn đạt Niết Bàn với tư cách một đệ tử là Thinh Văn Thừa hay Tiểu Thừa dù người đó sống tại một quốc gia hay cộng đồng coi như là Đại Thừa. Vì vậy khi tin không có Bồ Tát trong những quốc gia Nguyên Thủy và tất cả là Bồ tát trong các quốc gia Đại Thừa là sai. Không thể hiểu nổi nếu những hàng Thinh Văn và Bồ Tát lại tập trung tại các khu vực theo địa dư riêng rẽ.

Xa hơn nữa, ngài Vô Trước
nói cuối cùng khi một Bồ Tát chứng Giác Ngộ, người ấy
trở nên một A La Hán, một Như Lai (có nghĩa Phật) . Nơi đây
phải hiểu rõ ràng không những chỉ có đệ tử Thinh Văn
Thừa mà một Bồ Tát cũng có thể trở nên một A La Hán

khi cuối cùng chứng Phật quả. Lập trường của Nguyên Thủy cũng đúng như vậy: Đức Phật là một A La Hán - "Araham Samma-Sambuddha" - A La Hán, Đức Phật giác ngộ đầy đủ hoàn toàn" .

Đại Thừa giải thích rõ ràng là một Đức Phật, một Bích Chi Phật và một thánh quả Thinh Văn, tất cả ba đều ngang bằng, và giống nhau về phương diện thanh tịnh hóa, hay giải thoát khỏi những ô trược và bất tịnh ( Klesvaranavi-suddhi ) .

Điều này cũng gọi là giải thoát thân và trong đó không có dị biệt giữa cả ba. Đó có nghĩa là không có ba Niết Bàn khác biệt cho ba người. Niết Bàn giống nhau cho cả ba. Nhưng chỉ có Đức Phật mới đạt được giải thoát hoàn toàn khỏi tất cả những chướng ngại của sự hiểu biết hay chướng ngại của kiến thức, không phải là Thinh Văn hay Bích Chi Phật. Điều này cũng được gọi là Pháp Thân ( Dharma-Kaya ) và chính trong Pháp Thân vô số đức tính, khả năng và tài năng mà Đức Phật trở nên cao hơn không thể so sánh với Thinh Văn và Bích Chi Phật.

Quan điểm Đại Thừa này cũng phù hợp với Tam Tạng Kinh Điển Nguyên Thủy bằng tiếng Pali. Trong Kinh Samyutta-Nikaya, Đức Phật nói Như Lai và một tỳ kheo (đệ tử Thinh Văn Thừa) giải thoát do trí tuệ bằng nhau về phương diện giải thoát, nhưng Như Lai khác biệt tỳ kheo giải thoát ở chỗ Như Lai khám phá ra con đường mà trước đây không biết.

Ba đẳng cấp của Thinh Văn, Bích Chi Phật và Phật được ghi trong những Kinh Nidhikanda và Khuddapatha, cuốn thứ nhất của Kinh Khuddaka-Nikaya (Tiểu Bộ), một trong năm bộ sưu tập về Tam Tạng Kinh Điển Nguyên Thủy. Kinh này nói bằng cách tu tập các đức hạnh như nhân từ, đạo đức, tự kiềm chế vân vân, một người có thể đạt, giữa các việc khác, sự toàn thiện của một đệ tử, Giác Ngộ của một Bích Chi Phật, và cảnh giới Phật. Những điều này không được gọi là thừa (cỗ xe).

Trong truyền thống Nguyên Thủy, những điều trên được gọi là Bodhis (Giác

Ngộ), không phải là Yanas (cỗ xe). Bộ luật bằng tiếng Pali Upasaka-janalankara viết về đạo đức cho người cư sĩ vào thế kỷ thứ 12 bởi một Hòa Thượng tên là Ananda theo truyền thống Nguyên Thủy của Mahavihara tại Anuradhpura, Sri Lanka, có ba giác ngộ: Giác ngộ của hàng Thinh Văn, Giác ngộ của hàng Duyên giác, và Giác ngộ của chư Phật. Cả một chương của cuốn này bàn luận về ba giác ngộ này rất chi tiết.
Chương này nói khi một đệ tử đạt giác ngộ, người đó được gọi là Savaka-Buddha.

Bồ Tát

Giống như Đại Thừa, Nguyên Thủy vẫn coi Bồ Tát có vị trí cao nhất. Lời bình luận trong Kinh Jataka (Tiền Kiếp của Đức Phật), về truyền thống Mahavihara tại Anuradhapura, cung cấp một thí dụ rõ ràng: trong quá khứ xa xăm, nhiều thời đại không kể siết qua, có một nhà tu khổ hạnh tên Sumedha (tiền thân của Đức Phật). Vào thời đại đó có một vị Phật tên là Dipankara (Nhiên Đăng). Sumedha đến gặp vị Phật này xin cầu đạo và dưới sự hướng dẫn của Ngài, đạt được khả năng đạt Niết Bàn. Nhưng Sumedha từ chối và quyết định, vì từ bi cho cả thế giới, Sumedha muốn trở thành một vị Phật như Đức Nhiên Đăng để cứu độ những người khác. Đức Nhiên Đăng tuyên bố và tiên đoán nhà tu khổ hạnh vĩ đại này một ngày nào đó sẽ trở thành Phật; Ngài cho Sumedha tám nắm hoa. Cũng làm như vậy, những đệ tử của Đức Nhiên Đăng, những vị đã đắc quả A La Hán dâng hoa cho vị Bồ Tát ( Sumedha ). Câu chuyện về Sumedha này cho thấy rõ ràng vị trí của Bồ Tát trong Nguyên Thủy.

Mặc dầu Nguyên Thủy giữ lập trường cho rằng bất cứ ai cũng có thể trở thành Bồ tát, không có nghĩa là quy định hay nhất định tất cả phải là Bồ Tát, như vậy không thực tiễn. Quyết định là do cá nhân tùy thích muốn chọn con đường Thinh Văn, hay Duyên Giác - Bích Chi Phật, hay Bồ Tát Thừa (Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác). Nhưng lúc nào cũng giải thích rõ ràng địa vị Chánh Đẳng Chánh Giác cũng cao hơn và hai đẳng kia thấp hơn. Nhưng không phải những đẳng này không được coi trọng.
Vào thế kỷ thứ 12 sau Công Nguyên, Myanmar (một quốc gia thuần túy Nguyên Thủy) Hoàng Đế Alaungsithu tại Pagan, sau khi xây Chùa Shwegugyi, khắc một bài thơ bằng tiếng Pali trên một tấm bia ghi lại hành động sùng đạo này và ông cũng công khai tuyên bố quyết định muốn trở thành Phật chứ không trở thành bậc Thinh Văn.

Tại Sri Lanka, vào thế
kỷ thứ Mười, Hoàng Đế Mahinda Đệ Tứ (956-972 sau Công
Nguyên) trên một tấm bia khắc lời tuyên bố: "Không ai
mà chỉ có các Bồ Tát mới trở thành Vua của Sri Lanka
(Ceylon)". Như vậy người ta tin rằng những vị Vua của
Sri Lanka đều là Bồ Tát cả.
Một Hòa Thượng tên Maha-Tipika Culabhaya viết cuốn Malinda-Tika (vào khoảng thế kỷ 12 sau Công Nguyên) theo truyền thống Nguyên Thủy của Mahavihara tại Anudhapura, trong phần cuối có ghi ông mong muốn trở thành Phật: Buddho Bhaveyam "Tôi muốn trở thành Phật" có nghĩa tác giả là một vị Bồ Tát.

Chúng tôi tình cờ thấy phần cuối của một số bài viết tay trên lá cây cọ tại Sri Lanka có ghi tên và trên cả một số bản sao có ghi lời nguyện muốn trở thành Phật, và những người này tự coi mình như các Bồ Tát. Vào cuối các cuộc lễ hay để tỏ lòng sùng đạo, vị tỳ kheo thường đưa ra lời nguyện cầu, khuyên nhủ giáo đoàn phát nguyện đạt Niết Bàn bằng cách thực hiện ba giác ngộ - Thinh Văn - Duyên Giác hay Bồ Tát - như họ nguyện cầu tùy theo khả năng.

Tại Sri Lanka, Myanmar,
Thái Lan, Campuchia, những nước được coi là Nguyên Thủy, rất
nhiều Phật Tử, cả tăng ni và cư sĩ, phát nguyện quyết
tâm trở thành Phật để cứu độ người khác. Họ thực
ra là các Bồ Tát ở những giai doạn phát triển khác nhau.
Vì vậy có thể thấy rằng tại các quốc gia theo trường
phái Tiểu Thừa, không phải tất cả mọi người đều là
Thinh Văn mà còn có cả Bồ Tát.
Có sự dị biệt lớn có ý nghĩa giữa Nguyên Thủy và Đại Thừa về lý tưởng Bồ Tát. Nguyên Thủy, mặc dầu giữ lập trường lý tưởng Bồ Tát là cao nhất và cao thượng nhất, không cung cấp tác phẩm riêng biệt nào dành cho chủ đề. Những giáo lý về lý tưởng Bồ tát và hành động Bồ Tát tìm thấy rải rác tại nhiều nơi trong kinh sách Pali. Đại Thừa theo định nghĩa dâng hiến cho lý tưởng Bồ Tát, không những chỉ sáng tạo một kho tàng văn chương xuất sắc về chủ đề mà còn tạo ra giới Bồ tát huyền bí thật hấp dẫn.

-ooOoo-

Đầu
trang | 01
| 02 | 03 | 04
| 05 | 06 | 07
| 08 | 09 | 10
| 11 | 12 | 13
| 14 | 15 |
16 | 17

| 18 | 19 | 20
| 21 | 22 | 23
| 24 | 25 | 26
| 27 | 28 | 29
| 30 | 31 | Mục
lục

Chân thành cám ơn Tỳ kheo Thích Tâm Quang, chùa Tam Bảo, California,

đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, tháng 11-2001)

[ Trở về trang Thư Mục ]

updated: 06-11-2001

*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*